

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 772/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2018

V/v Ly hôn (không đăng ký kết hôn).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 474/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2018 về việc “Ly hôn (không có đăng ký kết hôn)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đức H, sinh năm: 1981 - (có mặt)

Địa chỉ: 1320 đường K, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thanh T, sinh năm: 1976 - (có mặt)

Địa chỉ: 243 đường V, khu phố B, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đức H trình bày: Bà H tự nguyện sống chung với ông Võ Thanh T vào năm 2005, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới ngày 29/5/2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sinh được hai người con chung tên Võ Minh Q, sinh ngày 02/7/2006 và Võ Minh T, sinh ngày 28/10/2010. Bà H xác định sống chung với ông T không có hạnh phúc, hai bên thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do ông Võ Thanh T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài và đánh đập vợ con. Nhận thấy tình cảm hai bên không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu Tòa án công nhận không có quan hệ vợ chồng với ông T. Về con chung, bà H yêu cầu

được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh Q và đồng ý giao con chung tên Võ Minh T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung bà Nguyễn Thị Đức H tự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thanh T trình bày: Đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông T xác nhận, tự nguyện sống chung với bà Nguyễn Thị Đức H vào năm 2005, có tổ chức đám cưới nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ông T xác định mâu thuẫn chính giữa hai bên đúng như lời nguyên đơn trình bày. Nay, nhận thấy tình hai bên không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên ông T cũng đề nghị Tòa án công nhận không có quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị Đức H. Về con chung, ông T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 28/10/2010, giao con chung tên Võ Minh Q, sinh ngày 02/7/2006 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tài sản chung, nợ chung ông T tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các bên đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày như trên, đồng thời cùng thỏa thuận thống nhất ông Võ Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (tên Võ Minh Q, sinh ngày 02/7/2006) mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Nếu ông T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ông Võ Thanh T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã đồng ý và thừa nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là thuộc trường hợp được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Võ Thanh T đang cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T cùng thừa nhận tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005. Hai bên đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa bà H và ông T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 2

Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T cùng xác định có hai người con chung tên Võ Minh Q, sinh ngày 02/7/2006 và Võ Minh T, sinh ngày 28/10/2010. Hai bên thống nhất thỏa thuận, giao con chung tên Võ Minh Q cho bà Nguyễn Thị Đức H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Võ Minh T cho ông Võ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của bà H, ông T phù hợp với quy định tại Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T về việc ông Võ Thanh T cấp dưỡng nuôi con (tên Võ Minh Q, sinh ngày 02/7/2006) mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Nếu ông T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thanh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đức H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đức H phải nộp theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Võ Thanh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao con chung tên tên Võ Minh Q, sinh ngày: 02/7/2006 cho bà Nguyễn Thị Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung tên Võ Minh T, sinh ngày: 28/10/2010 cho ông Võ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng*: Ông Võ Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (tên Võ Minh Q, sinh ngày 02/7/2006) mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thanh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đức H cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đức H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Võ Thanh T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Đức H, ông Võ Thanh T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng buộc bà Nguyễn Thị Đức H phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0038745 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị Đức H đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng buộc ông Võ Thanh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đức H và ông Võ Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Cao Văn Thiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA